

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07/5/2021

*Về việc “Tranh chấp Ly hôn,
Nuôi con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thanh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Miên, ông Nguyễn Văn Diệp
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/5/2021 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân- Gia đình thụ lý số: 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2020 về việc “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ksor H’ B, sinh năm 1985

Địa chỉ: Làng Bua, xã Ia Pnôn, huyện Đ, tỉnh G (có mặt)

Bị đơn: Anh Lương Văn M, sinh năm 1981

Địa chỉ: Làng Bua, xã Ia Pnôn, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *N đơn chị Ksor H’ B trình bày:*

+Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh M qua thời gian tìm hiểu, sau đó sống chung với nhau từ năm 2000, cho đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã Ia Pnôn, huyện Đ, tỉnh G cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Nay thấy không thể tiếp tục sống với nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

+Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là: Ksor Huyền T, sinh ngày 05/12/2000 và Ksor Lương N, sinh ngày 27/11/2006. Nguyên vọng tôi xin nuôi cả 02 con không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

- +Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- +Về án phí: Chị B tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.
- *Bị đơn anh Lương Văn M trình bày:*

+Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô H' B qua thời gian tìm hiểu, sau đó tự N kết hôn với nhau và được UBND Ia Pnôn, huyện Đ, tỉnh G cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn với nhau, nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nên cô B yêu cầu ly hôn, tôi không chấp nhận. Còn không thì để khi nào cháu thứ 2 Ksor Lương N học xong lớp 12 thì tôi chấp nhận ly hôn.

+Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

+Về án phí: Đề nghị xử lý theo pháp luật quy định.

Chứng cứ các đương sự giao nộp có trong hồ sơ gồm:

- 02Giấy chứng minh nhân dân (phô tô)
- 01Giấy chứng nhận kết hôn (gốc)
- 02Giấy khai sinh (bản sao)

Tại phiên toà:

- Chị K sorH'B giữ N yêu cầu giải quyết ly hôn và trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là cháu Ksor Lương N, sinh ngày 27/11/2006.

- Anh Lương Văn M vắng mặt, nên không có ý kiến tại phiên tòa.

*** Ý kiến Phát biểu của Kiểm sát viên:**

-Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và N đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều bảo đảm theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn.

-Về nội dung giải quyết vụ án:

+Về yêu cầu ly hôn: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương thừa nhận hai người có trải qua thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nay xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và đã kéo dài. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ksor H' B.

+Về trách nhiệm nuôi con chung: Chị K Sor H'B và anh Lương Văn M công nhận có 02 con chung là: Ksor Huyền T, sinh ngày 05/12/2000 đang học Đại học và Ksor Lương N, sinh ngày 27/11/2006 đang học cấp 2.

Nguyện vọng của chị B được trực tiếp nuôi cháu Ksor Lương N, sinh ngày 27/11/2006, không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Còn anh M không chấp nhận ly hôn nên không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung.

Nhận thấy, nguyện vọng nuôi con chung của chị B là chính đáng, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật. Tuy nhiên, qua hòa giải các đương sự không thỏa thuận được với nhau. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, cần tuyên giao cháu Ksor Lương N cho chị B

trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với ý kiến nguyện vọng của cháu N. Không buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị xem xét.

+Về án phí: Đề nghị buộc N đơn chi Ksor H' B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: N đơn chi Ksor H'B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn là anh Lương Văn M, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về vắng mặt bị đơn tại phiên tòa: Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng quy định. Vì vậy, cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có căn cứ.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và ý kiến trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, thể hiện anh M và chị B có trải qua thời gian quen biết tìm hiểu và sống chung với nhau, sau đó tự nguyện kết hôn tại UBND xã Ia Pnôn, huyện Đ, tỉnh G và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[4] Về N nhân mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn của N đơn: Theo N đơn chi Ksor H'B trình bày, N nhân mâu thuẫn là do quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không hòa hợp với nhau, đến nay mâu thuẫn đã kéo dài và ngày một trầm trọng hơn, hiện đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Do đó, chị B đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh M. Theo bị đơn anh Lương Văn M thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức phải ly hôn, nên anh không chấp nhận ly hôn.

Nhận thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên thuyết phục, hòa giải để các đương sự thỏa thuận trở về đoàn tụ, nhưng chị B một mực yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tại phiên tòa chị B giữ N yêu cầu khởi kiện. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B và xử cho chị B được ly hôn với anh M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Chị K Sor H'B và anh Lương Văn M công nhận có 02 con chung là: K Sor Huyền T, sinh ngày 05/12/2000 đang

học Đại học và Ksor Lương N, sinh ngày 27/11/2006 đang học cấp 2. Nguyên vọng của chị B được trực tiếp nuôi cháu Ksor Lương N, sinh ngày 27/11/2006, không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Còn anh M qua hòa giải anh không chấp nhận ly hôn, nên không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa chị B giữ N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ksor Lương N. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị B là chính đáng, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật. Tuy nhiên, qua hòa giải và tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được với nhau và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, cần tuyên giao cháu Ksor Lương N cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với ý kiến của cháu N đã trình bày có trong hồ sơ.

Đối với Ksor Huyền T, sinh ngày 05/12/2000, đã thành niên, có sức khỏe, lao động, học tập bình thường và tự lập được, chị B không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: N đơn chị K Sor H'B không yêu cầu, nên không buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không có đơn yêu cầu, nên không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc N đơn chị Ksor H' B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 144, 147, 227, 228, 235, 264 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ksor H' B.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ksor H'B được ly hôn với anh Lương Văn M

+ Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Ksor Lương N, sinh ngày 27/11/2006 cho chị K sor H' B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lương Văn M không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh M được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Chị B, anh M đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc chị KsorH'B phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo B lai số 0008261 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/5/2021). Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệp Phạm Văn Miên

Nguyễn Văn Thanh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã Ia Pnôn;
- Các đương sự;
- THADS ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thanh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đ, ngày 07 tháng 5 năm 2021

B BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh
 - Các Hội thẩm nhân dân : Ông Phạm Văn Miên, ông Nguyễn Văn Diệp
- Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 07/5/2021 tại phòng Nghị án Tòa án nhân dân huyện Đ. HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số: 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa N đơn chị Ksor H’ B và bị đơn anh Lương Văn M.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa: Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử thảo luận và giải quyết những vấn đề của vụ án như sau:

1. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 144, 147, 235, 264 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình

- Kết quả biểu quyết: 03/03

2. Về yêu cầu ly hôn của N đơn:

Quá trình giải quyết vụ án đương sự đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, đã ly thân. Do đó mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của N đơn, xử cho N đơn được ly hôn với bị đơn..

- Kết quả biểu quyết : 03/03

3. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Chị K Sor H’B và anh Lương Văn M công nhận có 02 con chung là: Ksor Huyền T, sinh ngày 05/12/2000 đang học Đại học và Ksor Lương N, sinh ngày 27/11/2006 đang học cấp 2.

Nguyên vọng của chị B được trực tiếp nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Nhưng anh M không chấp nhận ly hôn nên không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung.

Nhận thấy, nguyên vọng nuôi con chung của đương sự là chính đáng, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật. Tuy nhiên, qua hòa giải và tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được với nhau. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên giao cháu Ksor Huyền T và Ksor Lương N cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với ý kiến nguyên vọng của cháu N, không buộc anh M cấp dưỡng nuôi con vì chị B không yêu cầu.

- Kết quả biểu quyết : 03/03

4. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không có yêu cầu, nên không xem xét.

- Kết quả biểu quyết: 03/03

5. Các vấn đề khác :

+Buộc N đơn chị Ksor H' B phải chịu hết toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn là 300.000đồng theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

+Tuyên quyền thăm nom con, thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của các đương sự.

+ Tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

- *Kết quả biểu quyết : 03/03*

B bản kết thúc vào hồi 09 giờ 45 phút cùng ngày. Đã thông qua B bản và các thành viên HĐXX đã nhất trí cùng ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệp Phạm Văn Miên

Nguyễn Văn Thanh